

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GIAO LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 83/QĐ-UBND

Giao Long, ngày 12 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIAO LONG

- Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;
- Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ- HĐND ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Giao Long về việc quyết định phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của cán bộ tài chính kế toán ngân sách xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của xã Giao Long (theo các biểu đính kèm)

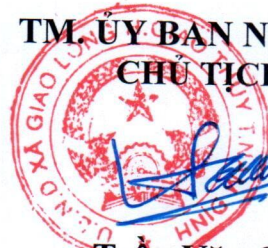
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND, Ban tài chính tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Giao Thủy;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**


Trần Văn Quyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN BẮT ĐẦU CÔNG KHAI

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024.

Căn cứ Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11, ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ quyết định số 7289/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND huyện Giao Thủy về việc giao dự toán ngân sách năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số: 13/NQ- HĐND xã khóa XXIV, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 15 họp ngày 27 tháng 12 năm 2024 đã phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách xã Giao Long năm 2025

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ- HĐND ngày 23 tháng 05 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Giao Long về việc quyết định phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2024;

Hôm nay, hồi 8 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 05 năm 2025 tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Giao Long tổ chức công khai số liệu số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 như sau:

1. Thành phần:

1/ Ông Trần Văn Phong - Chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã;

2/ Ông Bùi Văn Sắc - Chủ tịch UBMT tổ quốc xã;

3/ Bà Phạm Thị Lương - Công chức VP HĐND&UBND xã;

4/ Bà Trần Thị Thoi - Công chức tài chính – kế toán;

5/ Bà Lê Thị Diệu - Công chức Văn hóa TT- TDTT;

Chủ trì: Ông Trần Văn Phong – Chủ trì.

Thư ký: Đ/c Phạm Thị Lương – Cán bộ VP HĐND&UBND xã.

2. Nội dung công khai:

Công bố công khai: Số liệu số liệu quyết toán ngân sách năm 2024.

3. Hình thức công khai:

+ Niêm yết công khai tại Trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã;

+ Niêm yết trên cổng thông tin điện tử.

4. Địa điểm công khai: Trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã;

5. Thời gian niêm yết công khai: là 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết

5.1. Thời điểm bắt đầu niêm yết: 12/5/2025

5.2. Thời điểm kết thúc niêm yết: 10/6/2025

Các ý kiến liên quan đến nội dung công khai, đề nghị cán bộ, công chức phản ánh bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân xã (qua đồng chí Phạm Thị Lương – Công chức Văn phòng HĐND – UBND xã) tiếp nhận.

Toàn bộ cán bộ, công chức xã tham dự nhất trí với nội dung ghi trong biên bản và không ai có ý kiến nào khác. Biên bản kết thúc vào 9 giờ 00 phút cùng ngày và được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

THƯ KÝ



Phạm Thị Lương

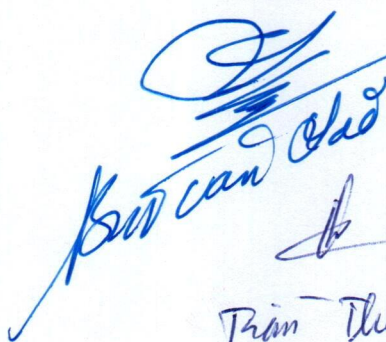


CHỦ TRÌ

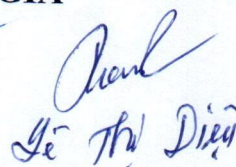


Trần Văn Phong

THÀNH PHẦN THAM GIA



Trần Văn Thảo



Lê Thị Diệu

Trần Thị Thới

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	16.644.354.347	Tổng số chi	16.644.354.347
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	1.043.648.700	I. Chi đầu tư phát triển	6.388.376.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	6.350.126.171	II. Chi thường xuyên	8.785.022.815
III. Thu bổ sung	8.281.834.025	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	1.470.955.532
- Bổ sung cân đối	6.366.984.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	1.914.850.025		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước			
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	968.745.451		
Kết dư ngân sách			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu ngân sách xã	11.794.984	8.488.984	29.250.314	16.644.354	247,99	196,07
A	Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	11.794.984	8.488.984	29.250.314	16.644.354	247,99	196,07
I	Các khoản thu 100%	300.000	300.000	1.053.049	1.043.649	351,02	347,88
2	Thu từ quỹ đất công ích và đất công	100.000	100.000	405.438	405.438	405,44	405,44
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước			571.730	571.730		
6	Thu kết dư ngân sách năm trước						
7	Thu khác (Thu quỹ phát triển nghĩa trang nhân dân, thu quỹ môi trường ...)	200.000	200.000	75.881	66.481	37,94	33,24
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	5.075.000	1.769.000	18.946.685	6.350.126	373,33	358,97
1	Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	400.000	280.000	942.609	659.826	235,65	235,65
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	20.000	14.000	27.714	19.400	138,57	138,57
3	Phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			8.700	8.700		
4	Thu phí và lệ phí	36.000	36.000	43.224	36.724	120,07	102,01
5	Lệ phí trước bạ	100.000	70.000	313.219	219.253	313,22	313,22
6	Thuế giá trị gia tăng	19.000	19.000	175.510	175.510	923,74	923,74
7	Thu tiền cấp quyền sử dụng đất	4.500.000	1.350.000	17.435.710	5.230.713	387,46	387,46
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.419.984	6.419.984	8.281.834	8.281.834	129,00	129,00
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	6.419.984	6.419.984	6.366.984	6.366.984	99,17	99,17
2	Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên			1.914.850	1.914.850		
IV	Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (nếu có)			968.745	968.745		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	8.318.885.000	1.350.000.000	6.968.885.000	16.644.354.347	7.002.868.788	9.641.485.559	200,08	518,73	138,35
	Trong đó:									
	Dự phòng chi									
A	Chi ngân sách xã đã qua Kho bạc	8.318.885.000	1.350.000.000	6.968.885.000	15.173.398.815	6.388.376.000	8.785.022.815	182,40	473,21	126,06
I	Chi đầu tư phát triển (1)	1.350.000.000	1.350.000.000		6.388.376.000	6.388.376.000		473,21	473,21	
1	Chi đầu tư XDCB	1.350.000.000	1.350.000.000		6.388.376.000	6.388.376.000		473,21	473,21	
2	Chi đầu tư phát triển khác									
II	Chi thường xuyên	6.968.885.000		6.968.885.000	8.785.022.815		8.785.022.815	126,06		126,06
I	Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự	1.515.310.000		1.515.310.000	949.342.425		949.342.425	62,65		62,65
1.1	Chi dân quân tự vệ	907.500.000		907.500.000	420.316.000		420.316.000	46,32		46,32
1.2	Chi an ninh trật tự	607.810.000		607.810.000	529.026.425		529.026.425	87,04		87,04
2	Chi sự nghiệp giáo dục	74.100.000		74.100.000	11.520.000		11.520.000	15,55		15,55
3	Chi sự nghiệp y tế	32.800.000		32.800.000	36.213.000		36.213.000	110,41		110,41
4	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	44.100.000		44.100.000	113.051.063		113.051.063	256,35		256,35
5	Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh	35.700.000		35.700.000	48.817.600		48.817.600	136,74		136,74
6	Sự nghiệp thể dục thể thao	12.300.000		12.300.000	74.662.000		74.662.000	607,01		607,01
7	Sự nghiệp kinh tế	503.550.000		503.550.000	1.298.327.996		1.298.327.996	257,83		257,83
7.1	SN giao thông	79.450.000		79.450.000	722.279.496		722.279.496	909,10		909,10
7.2	SN nông - lâm - thủy lợi - hải sản	132.900.000		132.900.000	534.868.500		534.868.500	402,46		402,46
7.3	Thương mại				3.180.000		3.180.000			
7.4	Các sự nghiệp khác (Chi quy hoạch, đo đạc, khảo sát, hỗ trợ cơ sở hạ tầng cho xóm NTM nâng cao...)	211.000.000		211.000.000	38.000.000		38.000.000	18,01		18,01
7.5	Chi sự nghiệp môi trường	80.200.000		80.200.000	238.272.268		238.272.268	297,10		297,10
8	Sự nghiệp xã hội	326.048.000		326.048.000	341.330.000		341.330.000	104,69		104,69

[illegible]